

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27.7.2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yên Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hải**

2. Bà **Phan Thị Hồng Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích C**, sinh năm: 1979

- *Bị đơn:* Anh **Trần Trọng T**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp Bà Thoại, xã L, huyện C, tỉnh Long An
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày như sau: Chị và anh T cưới nhau vào năm 1997, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L cấp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, xúc phạm cha mẹ chị. Chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 06/12/1998, đã trưởng thành và Trần Trọng N, sinh ngày 02/8/2005, hiện đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Trần Trọng N và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Trần Trọng T có ý kiến trình bày trong bản tự khai như sau: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn đúng như chị C trình bày. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và vợ chồng ly thân từ tháng 05/2017 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý vì vẫn còn thương vợ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung đúng như chị C nêu. Anh T không có ý kiến gì về con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Trần Trọng T nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

* Về nội dung:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Trọng T là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Chị C và anh T cưới nhau năm 1997 có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị C trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, ngày càng trầm trọng không thể giải quyết, vợ chồng không có khả năng tiếp tục chung sống hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án anh T trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị C vì vẫn còn thương vợ. Xét thấy anh T không đồng ý ly hôn với chị C nhưng lại không đến tham gia phiên tòa, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị C để vợ chồng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị C được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Kim C, sinh ngày 06/12/1998, đã trưởng thành và Trần Trọng N, sinh ngày 02/8/2005 hiện đang sống với chị C. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chưa trưởng thành là Trần Trọng N. Xét thấy anh T cũng không có ý kiến gì về con chung và cháu N cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Trọng N. Đối với cháu Trần Thị Kim C đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật xét thấy phù hợp nên buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng kể từ ngày 27/7/2017 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Trần Trọng T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Trần Trọng T.

2. Về nuôi con chung: Chị C được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 02/8/2005. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng kể từ ngày 27/7/2017 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000007 ngày 17/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự huyện C, chị C đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hải – Phan Thị Hồng Diễm

Trần Thị Yến Trinh

